

Họ, tên thí sinh:**Số báo danh:****Mã đề: 0738****PHẦN I.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.**Câu 1:** Cho các nhận định sau đây:

- (a) Phá rừng và đặt bẫy săn bắt trái phép các động vật rừng.
- (b) Trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng đầu nguồn.
- (c) Mở rộng diện tích đất trồng cây công nghiệp trên đất rừng phòng hộ.
- (d) Khai thác trái phép gỗ và các sản phẩm khác từ rừng.

Số nhận định đúng về nguyên nhân gây suy thoái tài nguyên rừng là

- A. 4. B. 1. C. 3. D. 2.

Câu 2: Loại phân bón nào sau đây có nguồn gốc từ chất thải của vật nuôi?

- A. Phân chuồng. B. Phân lân. C. Phân kali. D. Phân đạm.

Câu 3: Cho các phát biểu sau đây:

- (a) Khí sinh học được sử dụng để đun nấu.
- (b) Chất lắng đọng trong bể chứa làm phân bón cho cây trồng.
- (c) Nước thải từ bể chứa theo đường dẫn ra bên ngoài không chứa vi sinh vật.
- (d) Nước thải sau khi xử lý được sử dụng để tưới cho cây trồng.

Số phát biểu đúng về sản phẩm của công nghệ biogas trong xử lý chất thải chăn nuôi là

- A. 4. B. 1. C. 3. D. 2.

Câu 4: Sinh sản của cá chép có đặc điểm nào sau đây?

- A. Cá cái ấp trứng trong miệng. B. Sinh sản bằng cách đẻ trứng.
C. Cá đực ấp trứng trong miệng. D. Sinh sản bằng cách đẻ con.

Câu 5: Cho các phát biểu sau đây:

- (a) Chuồng nuôi không có hệ thống xử lý chất thải.
- (b) Thức ăn thừa và chất thải của vật nuôi xử lý không đúng quy định.
- (c) Xác vật nuôi không được thu gom và xử lý đúng quy định.
- (d) Chất thải chăn nuôi được xử lý bằng công nghệ biogas.

Số phát biểu đúng về nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi là

- A. 3. B. 1. C. 2. D. 4.

Câu 6: Sản phẩm nào sau đây được chế biến từ thủy sản?

- A. Nước ngọt. B. Tương ớt. C. Tôm chua. D. Mật ong.

Câu 7: Các khu bảo tồn thiên nhiên có vai trò nào sau đây?

- A. Cung cấp động vật rừng quý hiếm để xuất khẩu.
- B. Làm tăng sản lượng gỗ quý cho xuất khẩu.
- C. Làm tăng diện tích đất trồng cây công nghiệp.
- D. Bảo tồn nguồn gene các loài động, thực vật rừng.

Câu 8: Đặc điểm nào sau đây **không** phù hợp với chuồng nuôi lợn thịt quy mô công nghiệp?

- A. Mái chuồng lợp bằng rom rạ.
- B. Có hệ thống xử lý chất thải chăn nuôi đúng quy định.
- C. Có hệ thống máng ăn, máng uống tự động.
- D. Nền chuồng có độ dốc vừa phải.

Câu 9: Cây trồng nào sau đây **không** được trồng trong hệ thống thủy canh?

- A. Cây rau cải. B. Cây cao su. C. Cây rau muống. D. Cây cà chua.

Câu 10: Trong chăn nuôi, để bảo vệ môi trường biện pháp nào sau đây **không** phù hợp?

- A. Xả nước thải chăn nuôi chưa xử lí ra môi trường.
B. Khử trùng chuồng nuôi đúng quy định.
C. Khai thông rãnh thoát nước quanh chuồng nuôi.
D. Quét dọn sạch sẽ nền chuồng nuôi.

Câu 11: Công nghệ nào sau đây là công nghệ cao trong bảo quản sản phẩm chăn nuôi?

- A. Chế biến xúc xích. B. Chế biến sữa chua.
C. Bảo quản lạnh đông. D. Ướp muối truyền thống.

Câu 12: Loại thức ăn thủy sản nào sau đây có hàm lượng tinh bột cao nhất?

- A. Bột ngô. B. Bột cá. C. Cỏ tươi. D. Cá tạp.

Câu 13: Đối với rừng keo giống, để thu được hạt giống có năng suất cao nhất và chất lượng tốt nên thu hoạch hạt vào giai đoạn cây có đặc điểm nào sau đây?

- A. Cây có tán đã định hình. B. Cây bắt đầu ra hoa lần đầu.
C. Cây có tán chưa hoàn chỉnh. D. Cây ngừng sinh trưởng.

Câu 14: Cho các phát biểu sau đây:

- (a) Trồng cây xanh trong khuôn viên các nhà máy, đô thị.
(b) Sử dụng flycam kiểm tra, giám sát nguy cơ cháy rừng.
(c) Tuyên truyền, giáo dục ý thức bảo vệ rừng cho người dân.
(d) Trồng cây ăn quả trên diện tích đất rừng tự nhiên.

Số phát biểu đúng về bảo vệ tài nguyên rừng là

- A. 4. B. 2. C. 1. D. 3.

Câu 15: Khi quan sát ao nuôi cá rô phi, thấy nước ao nuôi có màu xanh nõn chuối. Hiện tượng này do

- A. tảo lục trong ao nuôi phát triển mạnh.
B. nước trong ao nuôi có nhiều phù sa.
C. nước trong ao nuôi bị nhiễm mặn.
D. tảo silic trong ao nuôi phát triển mạnh.

Câu 16: Loại máy nào sau đây được sử dụng để làm đất trước khi trồng cây?

- A. Máy gieo hạt. B. Máy cày. C. Máy cấy. D. Máy gặt.

Câu 17: Sữa bò tươi nguyên chất là sản phẩm của ngành nào sau đây?

- A. Chăn nuôi. B. Lâm nghiệp. C. Trồng trọt. D. Thủy sản.

Câu 18: Trong quá trình nuôi cá thương phẩm, khi phát hiện dịch bệnh lây lan, **không** nên thực hiện biện pháp nào sau đây?

- A. Vớt bỏ cá chết và xử lí theo quy định.
B. Khử trùng nước ao nuôi bằng hóa chất thích hợp.
C. Bổ sung vitamin C vào thức ăn cho cá.
D. Tháo bớt nước ao nuôi chưa xử lí ra môi trường.

Câu 19: Mô hình nào sau đây **không** phải là mô hình chăn nuôi công nghệ cao?

- A. Mô hình nuôi gà đẻ thu trứng tự động.
B. Mô hình chăn nuôi bò sử dụng robot.
C. Mô hình nuôi dê chăn thả tự do.
D. Mô hình chăn nuôi lợn gắn chip.

Câu 20: Phòng chống cháy rừng thuộc hoạt động lâm nghiệp cơ bản nào sau đây?

- A. Chế biến lâm sản. B. Phát triển rừng.
C. Bảo vệ rừng. D. Chăm sóc rừng.

Câu 21: Khi nuôi cá rô phi thâm canh trong lồng, loại thức ăn nào sau đây được lựa chọn để cho ăn giúp cá sinh trưởng, phát triển tốt, đạt năng suất cao?

- A. Thức ăn tươi sống.
- B. Thức ăn xanh.
- C. Thức ăn hỗn hợp.
- D. Thức ăn bổ sung.

Câu 22: Chăm sóc rừng giai đoạn non có vai trò nào sau đây?

- A. Giúp cây dây leo phát triển mạnh.
- B. Giúp cây bụi phát triển mạnh.
- C. Giúp cây rừng sinh trưởng nhanh.
- D. Giúp sâu, bệnh hại phát triển nhanh.

Câu 23: Trong chăn nuôi, kiểu chuồng hở có ưu điểm nào sau đây?

- A. Dễ kiểm soát dịch bệnh.
- B. Áp dụng công nghệ hiện đại.
- C. Kiểm soát được nhiệt độ chuồng nuôi.
- D. Chi phí đầu tư ban đầu thấp.

Câu 24: Trong ao nuôi tôm thâm canh có hiện tượng nước ao bị đục, xuất hiện mùi hôi và khi kiểm tra thấy nồng độ NH_3 (ammonia) tăng cao. Nguyên nhân của hiện tượng này là do sử dụng

- A. quạt nước bề mặt công suất lớn trong ao nuôi.
- B. thức ăn công nghiệp dư thừa quá mức.
- C. hóa chất khử trùng nước đúng quy định trước khi cấp vào ao nuôi.
- D. vôi bột khử trùng nền đáy ao trước khi nuôi đúng quy định.

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Khai thác thủy sản tạo sinh kế cho người dân. Trong quá trình khai thác, ngư dân thường sử dụng các loại ngư cụ như lưới kéo, lưới rê, lưới vây, câu. Sản lượng thủy sản biển và nội địa được khai thác trong giai đoạn từ 2019 đến 2021 thể hiện ở bảng dưới đây:

Đơn vị: Nghìn tấn

| Năm | Khai thác biển | Khai thác nội địa |
|------|----------------|-------------------|
| 2019 | 3633,1 | 196,2 |
| 2020 | 3700,3 | 196,2 |
| 2021 | 3745,1 | 195,0 |

Nguồn: Niên giám thống kê năm 2023, Nxb Thống kê.

a) Để tăng tổng sản lượng thủy sản theo hướng bền vững, cần tập trung nhân lực và các loại ngư cụ khai thác thủy sản vào mùa sinh sản của chúng.

b) Trong giai đoạn từ 2019 đến 2021, sản lượng thủy sản nội địa được khai thác cao nhất vào năm 2021.

c) Trong khai thác biển, ngư dân cần tuân thủ các quy định về quản lý vùng và ngư cụ góp phần bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản bền vững.

d) Tổng sản lượng thủy sản biển được khai thác năm 2021 cao hơn năm 2020 là 44,8 nghìn tấn góp phần cung cấp nguồn thực phẩm cho nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu.

Câu 2: Hiện nay, mô hình nuôi cá rô phi trong lồng trên sông theo quy hoạch được nhiều địa phương trong cả nước khuyến khích mở rộng. Bố trí các lồng nuôi thành từng cụm để thuận lợi cho việc chăm sóc và bảo vệ. Tuy nhiên, với mô hình này các hộ nuôi thường khó kiểm soát được dịch bệnh nên rất dễ phát tán nguồn bệnh khi mầm bệnh xuất hiện.

a) Tận dụng dòng chảy của sông để cung cấp oxygen hòa tan cho cá.

b) Các cụm lồng nuôi được xếp với mật độ hợp lý để tạo độ thông thoáng và hạn chế tồn đọng chất thải gây ô nhiễm môi trường nước.

c) Nuôi cá rô phi trong lồng trên sông theo quy hoạch nhằm tận dụng các điều kiện tự nhiên góp phần cung cấp sản phẩm thủy sản cho tiêu dùng.

d) Khi dịch bệnh xảy ra, người nuôi sử dụng thuốc kháng sinh phun lên mặt nước lồng nuôi để trị bệnh cho cá.

Câu 3: Bảng dưới đây thể hiện diện tích rừng trồng mới ở nước ta trong giai đoạn từ 2017 đến 2020.

Đơn vị: Nghìn ha

| Năm | Tổng số | Rừng sản xuất | Rừng phòng hộ | Rừng đặc dụng |
|------|---------|---------------|---------------|---------------|
| 2017 | 284,9 | 267,7 | 15,1 | 2,1 |
| 2018 | 282,4 | 268,0 | 12,5 | 1,9 |
| 2019 | 268,4 | 255,9 | 11,1 | 1,4 |
| 2020 | 269,9 | 260,3 | 7,8 | 1,8 |

Nguồn: Niên giám thống kê năm 2023, Nxb Thống kê.

a) Ở những khu vực đất có độ dốc cao, để tăng sản lượng gỗ nên khai thác rừng đặc dụng bằng phương thức khai thác trắng.

b) Trong giai đoạn từ 2017 đến 2020, tổng diện tích rừng trồng mới năm 2017 là lớn nhất.

c) Năm 2019, so với tổng diện tích rừng trồng mới, tỉ lệ diện tích rừng phòng hộ trồng mới thấp hơn tỉ lệ diện tích rừng sản xuất trồng mới là 88,7%.

d) Diện tích rừng sản xuất trồng mới năm 2018 lớn hơn năm 2017 là 0,3 nghìn ha góp phần tạo công ăn việc làm cho người dân.

Câu 4: Cá song là một trong những loài thủy sản nước mặn có giá trị kinh tế cao, có thể nuôi trong ao đất. Trong quá trình nuôi, cá song dễ bị bệnh hoại tử thần kinh do Betanodavirus gây ra. Người ta có thể sử dụng kỹ thuật PCR để phát hiện mầm bệnh hoại tử thần kinh trên cá song. Betanodavirus kí sinh trong tế bào thần kinh và võng mạc của cá. Virus phát triển mạnh khi nhiệt độ môi trường khoảng 25-30 °C. Khi bị bệnh, cá có triệu chứng bỏ ăn, bơi không định hướng, xoay tròn. Bệnh lưu hành rộng, tốc độ lây lan nhanh, tỉ lệ chết từ 70% đến 100% ở kích cỡ cá khoảng 2-4 cm (giai đoạn cá hương).

a) Tác nhân gây bệnh hoại tử thần kinh trên cá song là Betanodavirus.

b) Khi cá song bị bệnh hoại tử thần kinh, cần tăng cường lượng thức ăn cho cá để tăng sức đề kháng.

c) Sử dụng kỹ thuật PCR phát hiện sớm và chính xác bệnh hoại tử thần kinh trên cá song để kịp thời xử lý, giảm thiểu thiệt hại kinh tế cho người nuôi.

d) Nhiệt độ môi trường có ảnh hưởng đến sự phát triển bệnh hoại tử thần kinh trên cá song.

----- **HẾT** -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;

- Giám thị không giải thích gì thêm.